

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường.

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Ninh Thị Khánh Tân - thư ký
TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị
Hồng Nhung - kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa - tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-DS ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84 ngày 20/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L - sinh 1979, có mặt.

Trú tại: SN 65, đường T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn U - sinh 1960, vắng mặt.

Trú tại: thôn P, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/02//2014 tại UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xích mích, cãi cọ lẫn nhau, khiến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải, bản thân anh chị cũng hết sức cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng nghiêm trọng hơn nên từ tháng 3/2020 đến nay anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh U.

Về con: quá trình chung sống, chị và anh U có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Nam A, sinh 10/12/2013. Nguyên vọng của chị khi ly hôn là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam A và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020, anh Nguyễn Văn U trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, dàn xếp, anh cũng cố gắng hết sức nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng nghiêm trọng hơn. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm của mình dành cho chị L vẫn còn và thương con còn nhỏ nên anh mong muốn được đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn.

Về con: quá trình chung sống, anh và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Nam A, sinh 10/12/2013. Nếu phải ly hôn, anh cũng đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con, do điều kiện kinh tế hiện giờ khó khăn anh chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L, sau này có điều kiện anh sẽ cấp dưỡng cho con sau.

Về tài sản: anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của anh U, chị L do địa phương cung cấp, thể hiện: quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, ngày 07/5/2020 chị L có xin xác nhận để làm đơn xin ly hôn. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh U, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa:

Về việc tuân theo pháp luật: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về phần không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn U có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là tự nguyện, nên chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh U đã nhận thông báo nhưng không đến tham gia. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn U đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn U kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 27/02/2014 được UBND xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải, anh chị cũng nỗ lực cố gắng nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không

hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn thường xuyên xảy ra và ngày càng nghiêm trọng hơn nên đã sống ly thân nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh U. Quá trình giải quyết vụ án, anh U không muốn ly hôn nhưng không có biện pháp gì, không đến tham gia hòa giải, chứng tỏ anh U không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Theo xác nhận của trưởng phố T và UBND phường Đ, hiện nay chị L và cháu Nam A đang sinh sống tại SN 65 đường T, phường Đ, thành phố T, không cùng chung sống với anh U nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh U xảy ra đã lâu, mức độ đã trầm trọng, đã sống ly thân nhau nên thực tế tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh U là có căn cứ.

[2.2] Về con: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn U có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Nam A, sinh 10/12/2013. Chị L có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam A, không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh U cũng thống nhất nếu ly hôn thì để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị L muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng, anh U cũng thống nhất với ý kiến của chị L về việc nuôi dưỡng con nên giao cháu Nguyễn Đình Nam A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên chấp nhận không yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh U là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản: chị L và anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của UBND TP Thanh Hóa; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1/ Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn U phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

2/ Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn U có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Nam A, sinh 10/12/2013. Giao cháu Nguyễn Đình Nam A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh U có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001039 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP Thanh Hóa;
- UBND xã Đông Lĩnh, TPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà

